

Số 80 /2009/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2009

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định việc thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội**

### UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/9/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2008/TT-BXD-BNV ngày 16/12/2008 của liên Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3300 / TTr - SXD ngày 18 tháng 05 năm 2009,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 73/2006/QĐ-UBND ngày 22/5/2006 của Ủy ban nhân dân

thành phố Hà Nội. Các quy định trước đây của: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (cũ); của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (áp dụng đối với huyện Mê Linh); của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình (áp dụng đối với các xã: Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung) liên quan đến việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; chủ đầu tư, chủ sở hữu các công trình xây dựng; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Công thương, GTVT, NN&PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP ( để báo cáo);
- Chủ tịch UBND TP ( để báo cáo);
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Website Chính phủ;
- Các báo: Hà Nội mới, Kinh tế và Đô thị;
- Trung tâm Công báo, Cổng Giao tiếp điện tử thành phố Hà Nội;
- Các Phòng chuyên viên; *RMH*
- Lưu: VT.

130.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH *ll*



*Phi Thái Bình*

## **QUY ĐỊNH**

**việc thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện  
đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp  
về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /2009/QĐ-UBND  
ngày 16 /06/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về việc thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội, theo hướng dẫn tại thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2008 của Bộ Xây dựng.

2. Chủ đầu tư, các nhà thầu xây dựng công trình, các tổ chức thực hiện chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực (sau đây gọi tắt là tổ chức kiểm tra), chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là tổ chức chứng nhận) trong và ngoài nước thực hiện việc kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội không phân biệt nguồn vốn phải tuân theo Quy định này.

3. Riêng đối với nội dung chứng nhận chuyên ngành như: an toàn về phòng cháy và chữa cháy, an toàn trong sử dụng đối với các thiết bị công nghệ đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các công trình bắt buộc phải chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực trước khi đưa vào sử dụng:

Các công trình hoặc hạng mục công trình xây dựng khi xảy ra sự cố do mất khả năng chịu lực có thể gây thảm họa đối với người, tài sản và môi trường bắt buộc phải chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực:

a) Công trình công cộng tập trung đông người từ cấp III trở lên: nhà hát, rạp chiếu bóng, vũ trường, nhà ga, hội trường, nhà thi đấu thể thao, sân vận động, trung tâm thương mại, siêu thị, thư viện, nhà bảo tàng và các công trình công cộng khác có quy mô tương tự (theo Phân cấp, phân loại công trình xây dựng tại Phụ lục 1, ban hành kèm theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ). Riêng bệnh viện, nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường học: có quy mô từ 2 tầng và có tổng diện tích sàn từ 300 m<sup>2</sup> trở lên;

b) Nhà chung cư, khách sạn, nhà làm việc. Riêng tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình: từ cấp II trở lên;

c) Kho xăng, kho dầu, kho chứa khí hoá lỏng, kho hoá chất từ cấp II trở lên.

d) Đập, cầu, hầm giao thông từ cấp II trở lên;

e) Đường sắt trên cao, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp;

2. Các công trình được chứng nhận sự phù hợp về chất lượng:

Đối tượng chứng nhận có thể là công trình xây dựng mới hoặc công trình đã đưa vào sử dụng.

Các công trình hoặc hạng mục công trình xây dựng, không phân biệt loại và cấp, được chứng nhận sự phù hợp về chất lượng khi:

a) Theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu, trên cơ sở yêu cầu của tổ chức bảo hiểm công trình, của tổ chức và cá nhân mua, quản lý hoặc sử dụng công trình (viết tắt là bên có yêu cầu chứng nhận);

b) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương, theo phân cấp tại khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Quy định này.

3. Các công trình không phải chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực hoặc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng, bao gồm:

a) Các công trình được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng tổ chức kiểm tra hoặc nghiệm thu theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ;

b) Các công trình không nằm trong phạm vi điều chỉnh được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; các công trình sửa chữa, cải tạo không làm thay đổi kết cấu của công trình;

c) Các công trình thực hiện theo hiệp định được Chính phủ Việt Nam ký kết với đối tác nước ngoài, việc chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực hoặc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng được thực hiện theo thoả thuận giữa hai bên;

d) Các công trình bí mật quốc gia, công trình quốc phòng, công trình đặc thù áp dụng quy định riêng.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực* là việc kiểm tra, xác nhận công tác khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng đáp ứng các yêu cầu đảm bảo an toàn chịu lực của công trình hoặc hạng mục công trình trước khi đưa vào sử dụng.

2. *Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng* là việc đánh giá, xác nhận công trình hoặc hạng mục, bộ phận công trình xây dựng được thiết kế, thi công xây dựng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu kỹ thuật áp dụng cho công trình.

3. *Tổ chức thực hiện chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực (sau đây gọi tắt là tổ chức kiểm tra)*: là tổ chức tư vấn có chức năng hành nghề một trong các lĩnh vực thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng hoặc kiểm định chất lượng công trình xây dựng, có đủ năng lực phù hợp với loại công trình được chứng nhận.

4. *Tổ chức chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là tổ chức chứng nhận)* là tổ chức có chức năng hành nghề một trong các lĩnh vực thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng hoặc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật phù hợp với loại, cấp công trình được chứng nhận và nội dung chứng nhận.

## **Chương II**

### **CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHỊU LỰC**

**Điều 4. Lựa chọn tổ chức thực hiện chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực**

Chủ đầu tư tự quyết định việc lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực được quy định tại Điều 5 Quy định này và các quy định khác có liên quan đối với gói thầu dịch vụ tư vấn theo các quy định hiện hành về đấu thầu để ký hợp đồng kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực. Thông tin tổ chức kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực có thể được tham khảo từ danh sách các tổ chức tư vấn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn)) hoặc tham khảo ý kiến của Sở Xây dựng.

Trường hợp không lựa chọn được tổ chức kiểm tra đáp ứng các điều kiện nêu trên, chủ đầu tư phải báo cho Sở Xây dựng hoặc Phòng Quản lý đô thị (hoặc Phòng Công thương) cấp huyện để được giới thiệu tổ chức tư vấn thực hiện công việc này.

**Điều 5. Điều kiện năng lực của tổ chức kiểm tra**

### 1. Yêu cầu về điều kiện năng lực :

a) Phải có hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng, có khả năng về tài chính, Có đủ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật theo quy định thuộc các chuyên ngành phù hợp, có cơ sở vật chất phù hợp với nội dung kiểm tra nêu tại khoản 2 của Điều này, tương ứng với quy mô công trình được chứng nhận;

b) Không có vi phạm trong hoạt động xây dựng trong 3 năm gần nhất;

c) Cá nhân chủ trì việc kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực đáp ứng các quy định sau đây:

- Có chứng chỉ hành nghề kỹ sư hoạt động xây dựng, được phép chủ trì thiết kế kết cấu công trình phù hợp với loại và cấp công trình được chứng nhận;

- Không có vi phạm trong hoạt động xây dựng trong 3 năm gần nhất.

2. Yêu cầu đảm bảo tính độc lập, khách quan trong việc chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực.

a) Không tham gia khảo sát, thiết kế, thi công, cung ứng vật tư-thiết bị, quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng cho chính công trình hoặc hạng mục công trình được chứng nhận;

b) Độc lập về tổ chức và tài chính: không có quan hệ phụ thuộc về tổ chức với chủ đầu tư, với các nhà thầu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng và tư vấn quản lý dự án của chính công trình hoặc hạng mục công trình được chứng nhận; không có cổ phần hoặc vốn góp trên 50% của nhau đối với chủ đầu tư và không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau đối với các nhà thầu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng và tư vấn quản lý dự án.

### **Điều 6. Trình tự, nội dung kiểm tra đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực**

1. Tổ chức kiểm tra có trách nhiệm lập đề cương kiểm tra công tác khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng công trình trình chủ đầu tư thoả thuận. Việc kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực có thể được tiến hành từ khi bắt đầu thi công xây dựng công trình hoặc các hạng mục công trình được chứng nhận. Đối tượng kiểm tra tập trung vào bộ phận công trình, kết cấu chịu lực khi bị phá hoại có thể gây thảm họa.

#### 2. Kiểm tra công tác khảo sát, thiết kế:

a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện việc khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế và việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

b) Kiểm tra trình tự, thủ tục nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng; trình tự thẩm định, phê duyệt và nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

c) Kiểm tra báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế 2 bước, 1 bước); đánh giá mức độ đáp ứng của các tài liệu này với các yêu cầu của quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật được sử dụng nhằm đảm bảo an toàn chịu lực của công trình;

d) Trong quá trình kiểm tra, nếu có nghi ngờ về kết quả khảo sát, kết quả tính toán kết cấu chịu lực thì tổ chức kiểm tra đề nghị chủ đầu tư và nhà thầu khảo sát, thiết kế làm rõ. Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra có thể đề nghị chủ đầu tư tổ chức phúc tra kết quả khảo sát xây dựng, kiểm tra lại khả năng chịu lực của kết cấu.

### 3. Kiểm tra công tác thi công xây dựng công trình:

a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực và hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng công trình; kiểm tra năng lực phòng thí nghiệm và năng lực của các tổ chức kiểm định có liên quan;

b) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật đối với công tác giám sát và nghiệm thu chất lượng xây dựng;

c) Kiểm tra chất lượng thi công xây dựng thông qua tài liệu quản lý chất lượng của công trình hoặc hạng mục công trình được chứng nhận; đánh giá mức độ đáp ứng của các tài liệu này với yêu cầu của thiết kế nhằm đảm bảo an toàn chịu lực của công trình;

d) Kiểm tra các số liệu quan trắc và biểu hiện bên ngoài của kết cấu có liên quan tới khả năng chịu lực của công trình;

e) Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện thấy các yếu tố có thể ảnh hưởng tới khả năng chịu lực của công trình thì tổ chức kiểm tra đề nghị chủ đầu tư và các nhà thầu giải trình làm rõ. Trường hợp chủ đầu tư và các nhà thầu không giải trình được, tổ chức kiểm tra có thể đề nghị chủ đầu tư tổ chức kiểm định chất lượng hoặc thí nghiệm, quan trắc đối chứng.

4. Sau từng đợt kiểm tra, tổ chức kiểm tra phải có văn bản thông báo kịp thời về kết quả kiểm tra gửi cho chủ đầu tư và các bên có liên quan.

## **Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực**

1. Trong vòng 15 ngày kể từ khi chủ đầu tư tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình, hạng mục công trình được chứng nhận; tổ chức kiểm tra cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực theo mẫu quy định tại phụ lục, nếu kết quả kiểm tra đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Công tác khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng công trình tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng, đáp ứng các yêu cầu đảm bảo an toàn chịu lực của công trình;

- Các số liệu quan trắc và biểu hiện bên ngoài của kết cấu phản ánh sự làm việc bình thường của kết cấu;

- Các kết quả phúc tra, kiểm tra lại (nếu có) đảm bảo kết cấu đủ khả năng chịu lực.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi 01 Giấy chứng nhận này, kèm theo báo cáo kết quả kiểm tra đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình được chứng nhận cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương để kiểm tra và quản lý. Giấy chứng nhận này là căn cứ để chủ đầu tư đưa công trình vào sử dụng.

3. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận, tổ chức kiểm tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư về quyết định của mình, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo việc này cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương biết để kiểm tra và quản lý theo phân cấp.

### **Chương III**

## **CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

### **Điều 8. Yêu cầu chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng**

1. Xuất phát từ lợi ích của cộng đồng, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương có thể yêu cầu chủ đầu tư thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

Các tổ chức bảo hiểm công trình; tổ chức, cá nhân mua, quản lý hoặc sử dụng công trình, xuất phát từ lợi ích của mình có thể đề nghị chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu (đối với các công trình đã đưa vào sử dụng) thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình.

2. Bên có yêu cầu chứng nhận phải đưa ra phạm vi và nội dung chứng nhận sự phù hợp về chất lượng.

Trường hợp việc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng được yêu cầu bởi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương thì phạm vi và nội dung chứng nhận là bắt buộc.

Trường hợp chứng nhận sự phù hợp về chất lượng được yêu cầu bởi các tổ chức, cá nhân thì phạm vi và nội dung chứng nhận do chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu và bên có yêu cầu chứng nhận thoả thuận.



3. Phạm vi chứng nhận có thể là sự phù hợp về chất lượng thiết kế, sự phù hợp về chất lượng thi công xây dựng hoặc sự phù hợp về chất lượng của công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình xây dựng so với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu kỹ thuật áp dụng cho công trình. Nội dung chứng nhận có thể là một, một số hoặc toàn bộ các tiêu chí về chất lượng công trình xây dựng.

### **Điều 9. Lựa chọn tổ chức thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng**

Bên có yêu cầu chứng nhận thỏa thuận với chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu về việc lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức thực hiện việc kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng (viết tắt là tổ chức chứng nhận).

Trường hợp việc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương yêu cầu thì chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực được quy định tại Điều 10 Quy định này và các quy định khác có liên quan đối với gói thầu dịch vụ tư vấn tại Luật Đấu thầu để ký hợp đồng với tổ chức chứng nhận.

### **Điều 10. Điều kiện năng lực của tổ chức chứng nhận**

1. Yêu cầu về điều kiện năng lực :

a) Tổ chức chứng nhận được chọn là tổ chức tư vấn có chức năng hành nghề một trong các lĩnh vực thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định chất lượng công trình xây dựng hoặc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;

b) Đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với loại, cấp công trình được chứng nhận và nội dung chứng nhận;

c) Tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động chứng nhận không có vi phạm trong hoạt động xây dựng trong 3 năm gần nhất.

2. Yêu cầu về tính độc lập, khách quan trong việc thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng:

a) Không tham gia khảo sát, thiết kế, thi công, cung ứng vật tư-thiết bị, quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng cho chính công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình được chứng nhận;

b) Độc lập về tổ chức và tài chính: không có quan hệ phụ thuộc về tổ chức với chủ đầu tư, các nhà thầu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng và tư vấn quản lý dự án của chính công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình được chứng nhận; không có cổ phần hoặc vốn góp trên 50% của nhau đối với chủ đầu tư và không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau đối với các nhà thầu khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng và tư vấn quản lý dự án.

## **Điều 11. Trình tự, nội dung kiểm tra sự phù hợp về chất lượng đối với công trình xây dựng mới**

1. Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm lập đề cương thực hiện việc kiểm tra, đánh giá sự phù hợp về chất lượng tương ứng với phạm vi và nội dung chứng nhận để chủ đầu tư thoả thuận.

Phạm vi kiểm tra tập trung vào công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình được chứng nhận. Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung chứng nhận.

Việc kiểm tra có thể được tiến hành từ khi bắt đầu thi công xây dựng công trình hoặc bộ phận công trình được chứng nhận.

### **2. Kiểm tra sự phù hợp của thiết kế**

a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện việc khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế; sự tuân thủ trình tự, thủ tục nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng; thẩm định, phê duyệt và nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;

b) Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của báo cáo kết quả khảo sát xây dựng so với tiêu chuẩn khảo sát và nhiệm vụ khảo sát;

c) Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế 2 bước, 1 bước) so với nhiệm vụ thiết kế và so với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng cho công trình;

d) Trong quá trình kiểm tra, nếu có nghi ngờ về kết quả khảo sát và chất lượng của thiết kế, tổ chức chứng nhận đề nghị chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan làm rõ. Trường hợp cần thiết, tổ chức chứng nhận có thể thực hiện kiểm tra lại kết quả khảo sát, kiểm tra lại thiết kế của công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình được chứng nhận.

### **3. Kiểm tra sự phù hợp về chất lượng thi công xây dựng:**

a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực và hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu tư vấn quản lý dự án, giám sát thi công xây dựng công trình; kiểm tra năng lực phòng thí nghiệm và năng lực của các tổ chức kiểm định có liên quan; kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong giám sát thi công và nghiệm thu;

b) Kiểm tra xác suất chất lượng vật tư, thiết bị, cấu kiện xây dựng được sử dụng để xây dựng công trình, thông qua việc kiểm tra xuất sứ hàng hoá, chứng chỉ chất lượng và các kết quả thí nghiệm, kiểm định chất lượng có liên quan;

c) Kiểm tra xác suất chất lượng thi công xây dựng;

d) Chứng kiến vận hành thử công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình được chứng nhận. Kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ nghiệm thu so với yêu cầu của thiết kế.

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện thấy các yếu tố không đảm bảo sự phù hợp về chất lượng, tổ chức chứng nhận có thể đề nghị chủ đầu tư và các nhà

thầu giải trình, làm rõ. Trường hợp cần thiết, tổ chức chứng nhận có thể thực hiện kiểm định; thí nghiệm, quan trắc đối chứng.

4. Kiểm tra sự phù hợp về chất lượng của công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng: thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

5. Sau từng đợt kiểm tra, tổ chức chứng nhận phải có văn bản thông báo kịp thời về kết quả kiểm tra, gửi cho chủ đầu tư và các bên có liên quan.

#### **Điều 12. Trình tự, nội dung kiểm tra sự phù hợp về chất lượng đối với các công trình đã đưa vào sử dụng**

1. Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm lập đề cương kiểm tra và đánh giá sự phù hợp về chất lượng để chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu thoả thuận.

2. Phạm vi kiểm tra: tập trung vào công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng được chứng nhận.

3. Nội dung kiểm tra: phải phù hợp với nội dung chứng nhận đã được thoả thuận. Nội dung kiểm tra có thể bao gồm kiểm tra chất lượng thiết kế, chất lượng thi công xây dựng thông qua hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình. Trường hợp cần thiết, tổ chức chứng nhận có thể thực hiện kiểm định, đánh giá chất lượng công trình thông qua các thí nghiệm, quan trắc.

#### **Điều 13. Cấp Giấy chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng**

1. Tổ chức chứng nhận cấp Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng nếu chất lượng công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình xây dựng qua kiểm tra phù hợp với yêu cầu của thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình.

2. Trường hợp việc chứng nhận được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi 01 Giấy chứng nhận theo mẫu tại Phụ lục của Quy định này, kèm theo báo cáo kết quả kiểm tra sự phù hợp về chất lượng cho cơ quan này để kiểm tra và quản lý.

3. Trường hợp việc chứng nhận được thực hiện theo yêu cầu của các tổ chức, các nhân khác thì chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu gửi 01 Giấy chứng nhận theo Quy định tại Thông tư số 16/2008/TT-BXD cho bên có yêu cầu chứng nhận làm cơ sở để thực hiện các thoả thuận tiếp theo.

4. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng, tổ chức chứng nhận có trách nhiệm thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận cho chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu và bên có yêu cầu chứng nhận để biết và xử lý.

**Chương IV**  
**CHI PHÍ CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO**  
**AN TOÀN CHỊU LỰC VÀ CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP**  
**VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

**Điều 14. Chi phí chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực**

1. Chi phí chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực do chủ đầu tư trả cho tổ chức kiểm tra từ khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình. Chi phí được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Với dự án, công trình có sử dụng nguồn vốn Nhà nước phải có chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực: tổ chức kiểm tra lập đề cương, dự toán các công việc kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực theo các đơn giá, chế độ, chính sách hiện hành. Trường hợp nội dung các công việc không có trong đơn giá, định mức xây dựng, dự toán được lập trên cơ sở vận dụng các đơn giá phù hợp, hợp lý khác như quy định trong công tác nghiên cứu khoa học... hoặc kê khai công việc thực hiện theo chế độ tiền lương, cùng với các chế độ chính sách tương ứng hiện hành.

**Điều 15. Chi phí chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng**

1. Trường hợp việc chứng nhận sự phù hợp được yêu cầu bởi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương: chi phí chứng nhận do chủ đầu tư trả và được lấy từ khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình. Chi phí này được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp việc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng được yêu cầu bởi các tổ chức, cá nhân khác thì nguồn kinh phí trả cho công việc này do bên có yêu cầu chứng nhận và chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu thoả thuận. Chi phí này có thể được xác định bằng cách lập dự toán theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm lập dự toán cho công việc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng tương ứng với nội dung và phạm vi chứng nhận trình chủ đầu tư phê duyệt.

4. Với dự án, công trình có sử dụng nguồn vốn Nhà nước phải có chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng: tổ chức chứng nhận lập đề

cương, dự toán các công việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng theo các đơn giá, chế độ, chính sách hiện hành. Trường hợp nội dung các công việc không có trong đơn giá, định mức xây dựng, dự toán được lập trên cơ sở vận dụng các đơn giá phù hợp, hợp lý khác như quy định trong công tác nghiên cứu khoa học... hoặc kê khai công việc thực hiện theo chế độ tiền lương, cùng với các chế độ chính sách tương ứng hiện hành.

**Chương V**  
**QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
**TRONG HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO**  
**AN TOÀN CHỊU LỰC VÀ CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP**  
**VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

**Điều 16. Quyền hạn và nghĩa vụ của chủ đầu tư, chủ sở hữu**

1. Quyền hạn:

a) Khiếu nại về kết quả kiểm tra, chứng nhận; thuê các tổ chức tư vấn khác có năng lực phù hợp thẩm tra hoặc phúc tra các vấn đề được khiếu nại;

b) Các quyền khác theo hợp đồng đã cam kết với tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận và theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

a) Thực hiện việc chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực nếu công trình hoặc hạng mục công trình xây dựng thuộc đối tượng phải thực hiện tại quy định này; thực hiện việc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng khi được cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương theo phân cấp yêu cầu;

b) Cung cấp hồ sơ, tài liệu, các chứng chỉ có liên quan cho tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận;

c) Thanh toán chi phí chứng nhận cho tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận theo hợp đồng đã ký kết, kể cả khi không được cấp Giấy chứng nhận do chất lượng công trình không đáp ứng các yêu cầu đặt ra theo quy định;

d) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và theo thoả thuận trong hợp đồng với các bên liên quan;

e) Các nghĩa vụ khác theo hợp đồng cam kết với các bên có liên quan;

f) Các công trình xây dựng đang triển khai thi công, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng của tổ chức kiểm tra/ tổ chức chứng nhận với cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương, tại thời điểm trước khi chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu chuyển giao đoạn thi công, nghiệm thu đưa vào sử dụng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình.

**Điều 17. Quyền hạn và nghĩa vụ của tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận**

1. Quyền hạn:

a) Yêu cầu chủ đầu tư và nhà thầu cung cấp các tài liệu cần thiết cho hoạt động kiểm tra, chứng nhận;

b) Từ chối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực nếu kết quả kiểm tra không đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 7 của Quy định này; từ chối cấp Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng nếu chất lượng công trình không phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu kỹ thuật;

c) Các quyền khác theo hợp đồng cam kết với chủ đầu tư và theo quy định của pháp luật;

2. Nghĩa vụ:

a) Đảm bảo tính trung thực, khách quan trong quá trình kiểm tra, chứng nhận;

b) Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu, các bên có liên quan và trước pháp luật về kết quả kiểm tra và chứng nhận của mình;

c) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận trong hợp đồng với các bên có liên quan trong trường hợp chứng nhận sai với thực trạng chất lượng công trình;

d) Thực hiện kiểm tra hiện trường theo chế độ không thường xuyên; lập kế hoạch kiểm tra đối với các công việc khó khắc phục khiếm khuyết khi triển khai các công việc tiếp theo như công tác thi công phần ngầm, phần khuất, các hạng mục công trình chịu lực quan trọng.

## **Chương VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 18. Trách nhiệm của Sở Xây dựng**

1. Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

2. Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư, các tổ chức và cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội trong việc thực hiện Quy định này;

3. Chỉ định trực tiếp công trình phải thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng, khi:

a) Công tác quản lý chất lượng công trình của chủ đầu tư và nhà thầu không đảm bảo; ảnh hưởng đến lợi ích của cộng đồng; ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án (trường hợp công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách);

b) Các đối tượng công trình có tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn cao khi bị sự cố;

4. Tiếp nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực/ Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng và báo cáo kèm theo đối với các công trình dân dụng, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, các

công trình hạ tầng kỹ thuật được thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của các bộ, ngành Trung ương và của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

5. Chỉ đạo Thanh tra Sở xây dựng xử lý các vi phạm (nếu có) của chủ đầu tư, chủ quản lý, chủ sử dụng, các tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận trên địa bàn thành phố theo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

6. Cung cấp thông tin về điều kiện năng lực của các tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận hoạt động trên địa bàn thành phố để Bộ Xây dựng tổng hợp, đăng tải;

7. Hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 19. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành**

1. Hướng dẫn, kiểm tra các chủ đầu tư, chủ quản lý, chủ sử dụng, các tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận trong việc thực hiện Quy định này đối với các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn thành phố Hà Nội;

2. Thoả thuận với Sở Xây dựng trước khi chỉ định trực tiếp công trình phải thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng, khi:

a) Công tác quản lý chất lượng công trình của chủ đầu tư và nhà thầu không đảm bảo; ảnh hưởng đến lợi ích của cộng đồng; ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án (trường hợp công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách);

b) Các đối tượng công trình có tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn cao khi bị sự cố;

3. Tiếp nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực/ Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng và báo cáo kèm theo đối với các công trình xây dựng chuyên ngành, được thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của các bộ, ngành Trung ương và của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng trong quản lý nhà nước về hoạt động chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng đối với công trình xây dựng chuyên ngành;

5. Hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;

2. Xin ý kiến Sở Xây dựng trước khi chỉ định trực tiếp công trình phải thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng, khi:

a) Công tác quản lý chất lượng công trình của chủ đầu tư và nhà thầu không đảm bảo; ảnh hưởng đến lợi ích của cộng đồng; ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án (trường hợp công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách);

b) Các đối tượng công trình có tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn cao khi bị sự cố;

3. Tiếp nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực/ Giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng và báo cáo kèm theo đối với các công trình xây dựng, được thực hiện theo theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

4. Chỉ đạo các phòng chuyên môn (phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Công thương) tổ chức kiểm tra việc chủ đầu tư thực hiện công tác kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.;

5. Chỉ đạo Thanh tra xây dựng cấp huyện xử lý các vi phạm (nếu có) của chủ đầu tư, chủ quản lý, chủ sử dụng, các tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận trên địa bàn theo Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

6. Hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 21. Xử lý chuyển tiếp**

Các công trình đã và đang thực hiện việc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Thông tư số 11/2005/TT-BXD của Bộ Xây dựng trước ngày có hiệu lực của Quyết định ban hành Quy định này, vẫn tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2005/TT-BXD của Bộ Xây dựng và Quyết định số 73/2006/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về việc Hướng dẫn kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. ,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phí Thái Bình



(1) .....  
Số :...../ATCL

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN CHỊU LỰC**

- Căn cứ Nghị định số 49/2008/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/11/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số .../2009/QĐ-UBND ngày .../.../2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định việc thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Căn cứ hợp đồng chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng số ...
- Căn cứ kết quả kiểm tra công tác khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng công trình,

(1).....

**CHỨNG NHẬN:**

(2).....  
thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình :.....  
xây dựng tại .....  
có đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực theo quy định hiện hành.

....., ngày....tháng ....năm?.....

(3).....

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*Ghi chú :*

- (1) Tên tổ chức chứng nhận;
- (2) Tên công trình hoặc hạng mục công trình được chứng nhận;
- (3) Chức danh người đại diện theo pháp luật của tổ chức chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng

(1) .....

Số :...../CNCL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

- Căn cứ Nghị định số 49/2008/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/11/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số ..../2009/QĐ-UBND ngày .../.../2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định việc thực hiện kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Căn cứ hợp đồng chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng số ...
- Căn cứ kết quả kiểm tra công tác... (2),

(1).....

### CHỨNG NHẬN:

(3).....  
thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình :.....  
xây dựng tại .....  
đảm bảo sự phù hợp chất lượng với tiêu chí: (4).....  
.....

....., ngày....tháng ....năm.....

(5).....

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

#### Ghi chú :

- (1) Tên tổ chức chứng nhận;
- (2) Khảo sát và/hoặc thiết kế và/hoặc thi công xây dựng công trình;
- (3) Tên công trình hoặc hạng mục công trình được chứng nhận;
- (4) Tên tiêu chí chất lượng do bên yêu cầu đặt ra;
- (5) Chức danh người đại diện theo pháp luật của tổ chức chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.